

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BL
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2018

V/v “*Tranh chấp thay đổi người trực
tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BL, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Ông Nguyễn Đăng Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh BPh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, tỉnh BPh tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2017/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2017 về việc “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ph**, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố BNI, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Danh T**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Danh Tiến Đ, sinh ngày 20/11/2007 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Danh Tiến Đ là: Ông **Nguyễn Danh T**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ph trình bày: Tháng 9/2014 bà và ông Nguyễn Danh T (Nguyễn Mạnh Tr) ly hôn với nhau. Theo bản án số 09/2014/HNGĐ-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh BPh về phần xử lý con chung quyết định: Giao cháu Nguyễn Danh Tiến Đ, sinh ngày 20/11/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Kim O, sinh ngày 18/9/2001 và Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 21/9/2005 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng hàng tháng nuôi con tên Nguyễn Thị Kim Oanh với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Hiện nay cháu Nguyễn Danh Tiến Đ và ông T đang sinh sống tại Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh. Tuy nhiên, ông T đã lập gia đình mới, ông T thường đi làm từ sáng cho tới khuya mới về không có thời gian chăm sóc con. Cháu Đạt phải làm việc nhà, bị mẹ kế bắt đi bóc mủ trôm trên lô cao su Nhà nước, có lần cháu đi học thêm mà không có ai đón cháu phải ngủ qua đêm ở Trung tâm Văn hóa thị xã BL. Bà có đầy đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, bà có 01 căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 7287,9m², thuộc thửa số 15, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp BNI, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh. Trên đất có 400 cây cao su đang thu hoạch hàng tháng 10.000.000 đồng. Hiện bà đang cạo mủ cao su thuê cho bà Đỗ Thị Vui, địa chỉ Tổ 6, khu phố Hưng Phú, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh với mức lương hàng tháng 4.000.000 đồng và ông Hoàng Văn Chiến, địa chỉ tổ 3, ấp BNI, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh, mức lương hàng tháng 2.700.000 đồng. Ngoài ra bà có gửi tiết kiệm tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh An Lộc số tiền 152.000.000 đồng. Bà hoàn toàn đủ điều kiện nuôi dưỡng cả 03 con. Do đó, bà yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, cụ thể là giao con chung Nguyễn Danh Tiến Đ, sinh ngày 20/11/2007 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Danh T trình bày: Ông và bà Ph ly hôn với nhau vào tháng 9/2014. Về con chung, ông thống nhất là tại bản án số 09/2014/HNGĐ-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh BPh đã xử lý như bà Ph trình bày. Hiện nay cháu Nguyễn Danh Tiến Đ đang sinh sống cùng ông tại Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh. Hiện tại ông có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Ông làm nghề lái xe máy múc, hàng ngày đi làm từ 07 giờ đến 17 giờ, ông có thu nhập ổn định mỗi tháng 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ 3 ha cao su đang thu hoạch; 1 xe máy đào đang cho Công ty Bắc Phương Nam Thăng Long thuê để thi công xây dựng chùa Phật Quốc Vạn Thành; 01 tiệm kinh doanh cho thuê áo cưới ở ấp phố Lố, xã APh, huyện HQu, tỉnh BPh. Do đó, ông không đồng ý giao cháu Nguyễn Danh Tiến Đ cho bà Ph nuôi dưỡng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Danh Tiến Đ trình bày: Hàng ngày bố đi làm từ lúc 06 giờ 30 phút, tối bố về cháu đã ngủ nên không biết bố về lúc mấy giờ, ở nhà cháu tự chăm sóc cháu, cháu tự học bài thỉnh thoảng bố có dạy cháu học. Bố đã lấy vợ khác, hàng ngày mẹ kế thường bắt cháu làm nhiều việc và la rầy cháu. Nguyên vọng của cháu là muốn được sống với mẹ vì cháu rất sợ mẹ kế, đồng thời mẹ cháu thương cháu và có thời gian chăm sóc cháu nhiều hơn.

* Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Trần Thị Ph (sau đây gọi tắt là bà Ph) và ông Nguyễn Danh T (sau đây gọi tắt là ông T) đã ly hôn vào tháng 9/2014. Tại bản án số 09/2014/HNGĐ-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh BPh về phân xử lý con chung quyết định: Giao cháu Nguyễn Danh Tiến Đ, sinh ngày 20/11/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay bà Ph khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con, cụ thể là giao cháu Đạt cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Quan hệ tranh chấp trên là “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly khi hôn” theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông T hiện đang cư trú tại Tổ 12, khu phố XCII, phường HCh, thị xã BL, tỉnh BPh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BL. Tại phiên tòa, bà Ph và ông T đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện*: Xét điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con giữa bà Ph và ông T nhận thấy: Quá Trình giải quyết vụ án bà Ph cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bút lục 09) đứng tên bà Ph. Về thu nhập hàng tháng bà Ph trình bày: Bà có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng từ việc bán mủ cao su cho bà Nguyễn Thanh Th và cạo mủ cao su thuê cho bà Đỗ Thị V và ông Hoàng Văn Ch. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thanh Thủy, bà Đỗ Thị V và bà Vũ Thị Kh là người nhà của ông Vũ Văn Ch (Bút lục 29, 31, 33) và tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Ph, bà Th, bà V và ông Ch cư trú (Bút lục 72, 75, 76, 77) xác định hàng tháng bà Ph có bán mủ cao su cho bà Th với số tiền trung bình hàng tháng là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) và cạo mủ cao su thuê cho vườn của bà V với số tiền công hàng tháng là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), cạo mủ cao su thuê cho vườn của ông Ch do bà Kh trực tiếp quản lý và trả tiền công hàng tháng là 2.700.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm nghìn đồng*). Như vậy tổng thu nhập bình quân hàng tháng của bà Ph là 16.700.000 đồng (*Mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng*). Ngoài ra bà Ph còn có 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh An Lộc (Bút lục 24, 25) với số tiền tiết kiệm là 152.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu đồng*). Đối với ông T, quá trình giải quyết vụ án ông T

cung cấp tài liệu chứng cứ gồm 03 bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Bút lục 44, 45, 46) đứng tên ông T, hiện 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh BL, 01 hợp đồng kinh tế số 005C/2017/HĐTM-BPNTL ngày 10/12/2017 về việc cho thuê xe máy đào, 01 bản nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng thanh toán hoàn thành đợt 1 vào ngày 25/12/2017. Ông T trình bày hàng tháng thu nhập của ông là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) từ việc cho thuê xe máy đào, kinh doanh cửa hàng cho thuê áo cưới, và bán mủ cao su cho doanh nghiệp tư nhân Hoa Hùng. Qua xem xét tài liệu chứng cứ mà ông T giao nộp nhận thấy hợp đồng kinh tế số 005C/2017/HĐTM-BPNTL ngày 10/12/2017 và 01 bản nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng thanh toán hoàn thành đợt 1 vào ngày 25/12/2017 thể hiện bên thuê máy là Công ty cổ phần đầu tư bắc phương Nam Thăng Long và bên cho thuê là ông T. Tuy nhiên hợp, đồng kinh tế và bản nghiệm thu trên không có chữ ký và đóng dấu của bên thuê theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông T không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký xe máy đào đứng tên ông mà ông trình bày đã cho Công ty cổ phần đầu tư bắc phương Nam Thăng Long thuê. Do đó, hội đồng xét xử không xem xét hợp đồng kinh tế số 005C/2017/HĐTM-BPNTL ngày 10/12/2017 và bản nghiệm thu xác nhận giá trị khối lượng thanh toán hoàn thành đợt 1 vào ngày 25/12/2017 là chứng cứ trong vụ án. Đối với việc ông T trình bày ông có kinh doanh cửa hàng cho thuê áo cưới tuy nhiên ông không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do đó không có cơ sở để xác định. Tòa án đã tiến hành xác minh tại doanh nghiệp tư nhân Hoa Hùng (Bút lục 70) xác định hàng tháng ông T có bán mủ cho Doanh nghiệp với số tiền từ 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) đến 12 triệu đồng (*Mười hai triệu đồng*).

Xét về điều kiện chăm sóc, giáo dục, tinh thần, thể chất của con giữa bà Ph và ông T nhận thấy: Ông T trình bày thời gian ông làm việc mỗi ngày là từ 07 giờ đến 17 giờ. Tuy nhiên, qua biên bản xác minh ngày 04/01/2017 (Bút lục 71) ông Nguyễn Danh Từ là cha của ông T cung cấp: Hàng ngày, ông T làm việc từ 07 giờ sáng đến 19 giờ có khi làm việc đến 22, 23 giờ. Đối với bà Ph bà làm việc từ 01 giờ đến 05 giờ cùng ngày, thời gian còn lại bà ở nhà (qua làm việc bà V và bà Kh đã xác định việc trên). Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2017 (Bút lục 27) và

tại phiên tòa hôm nay cháu Đ trình bày: Bố làm nghề lái xe máy mướm, hàng ngày bố đi làm từ lúc 06 giờ 30 phút, tối bố về cháu đã ngủ nên không biết bố về lúc mấy giờ, ở nhà cháu tự chăm sóc cháu, cháu tự học bài thỉnh thoảng bố có dạy cháu học. Nguyên vọng của cháu là muốn được sống với mẹ vì bố đã lấy vợ khác. Hàng ngày mẹ kể thường bắt cháu làm nhiều việc và la rầy cháu, cháu muốn về sống với mẹ do cháu rất sợ mẹ kể, đồng thời mẹ cháu thương cháu và có thời gian chăm sóc cháu nhiều hơn. Từ những phân tích, nhận định trên hoàn toàn có cơ sở xác định bà Ph và ông T đều có nơi ở và thu nhập ổn định để nuôi con. Tuy nhiên, về điều kiện chăm sóc, giáo dục và bảo đảm tinh thần, thể chất của cháu Đạt thì bà Ph có điều kiện tốt hơn ông T.

Theo biên bản xác minh ngày 12/01/2018 tại Hội liên hiệp phụ nữ phường HCh thị xã BL tỉnh BPh (Bút lục 74) bà Phạm Thị Thanh Th là chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường HCh có ý kiến cung cấp như sau: Ông T và bà Ph đều có thu nhập ổn định để nuôi con tuy nhiên ông T có thời gian làm việc không ổn định nên không có điều kiện chăm sóc con. Do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Đạt đề nghị xem xét giải quyết theo nguyên vọng của cháu, nếu cháu có nguyên vọng sống với ông T thì giao cháu cho ông T nuôi dưỡng trong trường hợp cháu có nguyên vọng sống với bà Ph thì giao cháu cho bà Ph nuôi dưỡng.

[3] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, bà Ph có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn. Đồng thời, cháu Đạt có nguyên vọng được sống cùng với mẹ. Căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Ph không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.*”. Do đó, ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 84, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ph là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ph

Thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Buộc ông Nguyễn Danh T phải giao con chung là Nguyễn Danh Tiến Đ, sinh ngày 20/11/2007 cho bà Trần Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ph không yêu cầu ông Nguyễn Danh T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Danh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục thi hành án dân sự thị xã BL trả lại cho bà Ph 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003911 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã BL.

3/ Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BPh;
- VKSND thị xã BL;
- Chi cục THADS thị xã BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Đức